

Số: 619/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 31 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nhân Cầu 1,
thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 451/STNMT-CCBVM ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nhân Cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 120/TTr-STNMT ngày 21 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nhân Cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị

trần Hưng Hà; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *SV*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn

CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án "Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nhân Cầu 1,
thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà"

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nhân Cầu 1, thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà.

- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hưng Hà.

Địa chỉ: Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nhân Cầu 1 với diện tích khu đất thực hiện dự án là 38.188,48 m², quy mô dân số khoảng 663 người; quy hoạch sử dụng đất:

- Đất ở mới 16.071,80 m², 173 lô (trong đó: Đất ở liền kề 12.079,20 m², 121 lô; đất ở biệt thự 2.655,60 m², 12 lô; nhà ở xã hội 1.337,00 m², 40 hộ).

- Đất ở hiện trạng 2.147,00 m², 22 hộ.

- Đất cây xanh, thể thao 1.963,10 m².

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật 18.006,58 m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- San nền khu đất thực hiện dự án.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông:

+ Đường trục huyện (N4) chiều rộng 20,0m (5+14÷14,5+0,5÷1), tính trong ranh giới quy hoạch; mặt đường rộng 14,0÷14,5m, vỉa hè phía Nam đường rộng 5,0m, vỉa hè phía Bắc đường rộng 0,5÷1,0m.

+ Đường Đ1, Đ2, N1 chiều rộng 13,0m (3+7,5+3), mặt đường rộng 7,0m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m.

+ Đường N2, N3 chiều rộng 11,0m (3+7+1), mặt đường rộng 7,0m, vỉa hè giáp đất ở rộng 3,0m, vỉa hè phía bên cây xanh rộng 1,0m.

+ Đường Đ3 chiều rộng 15,5m (3+9,5+3), mặt đường rộng 9,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0m.

+ Đường Đ4 chiều rộng 15,5m (2+6+2,5-3), mặt đường rộng 6 m, vỉa hè mỗi bên rộng 2-3,0m.

- Hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc; hệ thống chiếu sáng; hệ thống cây xanh.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ thi công xây dựng khoảng 3,32 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ; nước thải sinh hoạt khoảng 4,5 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, Amoni, Tổng nitơ, Tổng phốt pho, tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 79,56 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, Amoni, Tổng nitơ, Tổng phốt pho, tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển vật liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Khoảng 40 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Khoảng 530,4 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng 646,4 kg/ngày; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng 0,6 tấn; đất thải từ hoạt động bóc tách lớp hữu cơ bề mặt khoảng 4.790m³.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải phát sinh từ quá trình vận hành trạm xử lý nước thải khoảng 3,06 tấn/năm; cặn lắng hệ thống thu gom, thoát nước mưa khoảng 11,03 tấn/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 60 kg/tháng, bao gồm: Giẻ lau dính dầu, thùng đựng hóa chất đã qua sử dụng, bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, ắc quy thải, que hàn thải, cặn dầu.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 31,8 kg/tháng, bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải, thiết bị điện tử hỏng, hộp mực in thải, dầu mỡ, giẻ lau dính dầu...

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

+ Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ khu vực rửa xe, vệ sinh máy móc thiết bị được thu gom, xử lý bằng hố lắng dung tích 5 m³, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho thi công, xây dựng; nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động 2 buồng, bồn chứa nước 1,6 m³, hầm tự hoại 3 ngăn 3 m³, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Thu gom bằng các hố ga, hệ thống cống bê tông cốt thép; bao gồm: Cống bê tông cốt thép D400 dài 570m, D600 dài 280m, D800 dài 75m, D1000 dài 23m; 30 hố ga thu, 36 hố ga thăm; 01 cửa xả D1000.

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom bằng hệ thống cống bê tông cốt thép D300 dài 405m, rãnh xây gạch B300 dài 380m, 37 hố ga thăm về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm đạt QCVN14:2008/BTNMT cột A giá trị C xả ra mương nội đồng, tọa độ xả thải: X(m) = 2277838; Y(m) = 575860 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí anoxic → Bể aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Lắp đặt hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm, không sử dụng máy móc cũ lạc hậu; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải... không để rơi vãi, thu gom đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công, phun nước giảm bụi, bố trí cầu rửa xe; sử dụng xe chuyên dụng để hút bụi khi thi công đường giao thông nội bộ.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh trong khu dân cư, xung quanh các công trình và dọc theo các tuyến đường giao thông; tăng cường biện pháp vệ

sinh hàng ngày; xây dựng trạm xử lý nước thải kín, trồng cây xanh xung quanh trạm, vận hành trạm xử lý nước thải đúng quy trình, quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Lốp đất bóc tách bề mặt được thu gom, tận dụng để trồng cây xanh, phần không thể tận dụng được chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định; chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng được thu gom, tập kết tạm thời trong khu vực dự án, một phần được tận dụng san lấp mặt bằng, phần còn lại chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu hoặc có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào thùng chứa, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ bằng các thùng chứa của hộ gia đình, được tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải được đơn vị quản lý vận hành hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

Đối với hộ gia đình: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, xử lý theo quy định tại đơn vị thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thực hiện công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Đơn vị quản lý vận hành thực hiện thu gom, lưu giữ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc thi công bảo đảm về tiếng ồn, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục phát sinh tiếng ồn, độ rung vào buổi trưa, buổi tối, hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí tại 02 khu vực cổng ra vào dự án.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: giám sát về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A giá trị C - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.

